

Số: 73/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 650/QĐ-KĐCL ngày 18/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-KĐCL ngày 18/7/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXIII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXIII ngày 05/8/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 73/NQ-HĐKĐCL ngày 07 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4.00	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.85
Tiêu chuẩn 1	4.00	Tiêu chuẩn 13	4.00
Tiêu chuẩn 2	3.75	Tiêu chuẩn 14	3.60
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	3.80
Tiêu chuẩn 4	4.50	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	3.75	Tiêu chuẩn 17	3.75
Tiêu chuẩn 6	4.14	Tiêu chuẩn 18	4.00
Tiêu chuẩn 7	3.60	Tiêu chuẩn 19	4.00
Tiêu chuẩn 8	4.25	Tiêu chuẩn 20	4.00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3.85	Tiêu chuẩn 21	3.75
Tiêu chuẩn 9	3.83	Mục 4. Kết quả hoạt động	3.79
Tiêu chuẩn 10	4.00	Tiêu chuẩn 22	3.75
Tiêu chuẩn 11	3.75	Tiêu chuẩn 23	4.17
Tiêu chuẩn 12	3.80	Tiêu chuẩn 24	3.75
		Tiêu chuẩn 25	3.50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 73/NQ-HĐKĐCL ngày 07 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xác định rõ ràng. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập có phân định rõ trách nhiệm và hoàn chỉnh theo Luật Giáo dục đại học. Các chỉ tiêu chiến lược cơ bản được xác lập và có các giải pháp thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học được xây dựng và cập nhật kịp thời, phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng đầu tư và triển khai khá hiệu quả; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu. Nguồn lực tài chính có sự gia tăng đảm bảo nguồn lực chi thường xuyên cho các hoạt động. Khuôn viên, cảnh quan môi trường được quan tâm, được đánh giá và cải tiến.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành. Đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ. Chính sách chất lượng được xây dựng và thực thi. Các kế hoạch chiến lược và hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai giúp hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Cơ chế đảm bảo chất lượng được vận hành với các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bước đầu được xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin ở các lĩnh vực hoạt động chủ yếu. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh được thiết lập và được triển khai trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và phục vụ cho công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được đầu tư; tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai; kết quả tuyển sinh đại học khá ổn định và duy trì được chất lượng đầu vào. Việc phát triển CTĐT được thực hiện theo quy định. Các hoạt động dạy học phù hợp với định hướng đào tạo của Nhà trường; các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và áp dụng công nghệ trong giảng dạy được triển khai. Đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện khá nghiêm túc và có nhiều cải tiến. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và được triển khai thực hiện hàng năm; các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh để đánh giá, cải tiến. Hệ thống, quy trình quản lý nghiên cứu khoa học được thiết lập và triển khai khá hiệu quả. Chiến lược và kế hoạch phát triển hợp tác trong nghiên cứu được xác định; mạng lưới kết nối và phát triển hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp ở trong và ngoài nước được thiết lập và triển khai giúp tăng cường nguồn lực. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được triển khai gắn với thế mạnh của Nhà trường.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác lập và giám sát. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao, đáp ứng cơ bản yêu cầu của nhà sử dụng lao động. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học được xác định; kết quả công

bổ khoa học có sự gia tăng. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được triển khai khá đa dạng và có tác động xã hội tích cực. Việc giám sát kết quả và chỉ số tài chính của các hoạt động được quan tâm thực hiện góp phần quảng bá hình ảnh, tăng uy tín cho Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Hoàn thiện sứ mạng, tầm nhìn theo tiếp cận hiện đại hơn trên cơ sở định vị quá trình phát triển Nhà trường để truyền cảm hứng cho các bên và tăng nhận diện thương hiệu. Tổng kết, đánh giá thực tiễn về mức độ đạt được các giá trị cốt lõi; quan tâm xây dựng các chỉ số, lượng hóa và đánh giá kết quả, hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi. Truyền thông sâu rộng tới các bên liên quan nhằm tăng tính thuyết phục về tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

2. Khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế tài chính; cập nhật, hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động. Ban hành lại quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị theo quy định và rà soát các văn bản quản lý phù hợp, đảm bảo cho thúc đẩy tự chủ và đổi mới sáng tạo.

3. Rà soát tổng thể cơ cấu lãnh đạo và quản lý nhà trường đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển và xu hướng tự chủ. Tăng cường, đa dạng phương thức truyền thông tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa tới các bên liên quan ngoài trường góp phần hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.

4. Nghiên cứu hoàn thiện tổ chức quy trình và cách xác định nội dung, nội hàm của mô hình trường đại học theo định hướng ứng dụng. Sử dụng các công cụ đối sánh tiên tiến và lựa chọn đối tác, các thực hành tốt, đồng thời tổ chức khảo sát thực tế nhu cầu của các bên liên quan để có đầy đủ thông tin xây dựng chiến lược cho giai đoạn tới.

5. Nâng cao năng lực, hiệu quả xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách trong các lĩnh vực trọng yếu. Quan tâm đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách và phản hồi của các bên liên quan để có cải tiến mang tính hệ thống. Bổ sung một số chính sách cốt lõi trong chỉ đạo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và lưu ý các mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng hình mẫu công dân tích cực trong phục vụ cộng đồng.

6. Xác định giải pháp chiến lược để thu hút, đãi ngộ và phát triển đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành phù hợp cơ chế tự chủ và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Xây dựng và ban hành các KPIs đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên, nhân viên đồng thời cải tiến chính sách đãi ngộ gắn với hiệu quả và đóng góp. Đánh giá nhu cầu để đào tạo theo tiếp cận năng lực và tăng cường tính chuyên nghiệp theo vị trí việc làm.

7. Có giải pháp tăng quy mô và đa dạng hóa nguồn thu, tăng thu từ đào tạo ngắn hạn, tư vấn, chuyển giao công nghệ. Sớm đề xuất Đại học Đà Nẵng đẩy nhanh tiến độ đầu tư nâng cấp thiết bị các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thư viện điện tử; bổ sung học liệu số và khai thác hiệu quả thư viện, học liệu dùng chung, hệ thống dữ liệu hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Quy hoạch tổng thể để tối ưu hóa trong đầu tư, khai thác cơ sở vật chất giữa hai cơ sở.

8. Xác định nội dung cốt lõi trên cơ sở ưu thế về nguồn nhân lực và các thế mạnh để tối ưu hoá hiệu quả mạng lưới đối tác và quan hệ đối ngoại; tập trung vào các định hướng chuyên

môn, ngành ưu tiên để có phát triển vượt trội, tạo ra giá trị chuỗi, gia tăng vị thế và hình ảnh để đạt được tầm nhìn, mục tiêu phát triển đến năm 2035.

9. Hoàn thiện và chuẩn hóa quy trình lập kế hoạch các hoạt động đáp ứng mục tiêu chiến lược về đảm bảo chất lượng; đảm bảo quy trình và các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính có tính đặc thù cao, đáp ứng các mục tiêu đã xác định cho từng lĩnh vực trọng yếu. Rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động theo chu trình P-D-C-A.

10. Nâng cao hơn nữa nhận thức của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên về vai trò của các quy trình và công cụ để đảm bảo chất lượng mọi mặt hoạt động của Nhà trường và phát huy hiệu quả của hệ thống ISO trong các hoạt động. Xây dựng và triển khai kế hoạch liên tục cải tiến mọi mặt hoạt động theo chu trình PDCA; phát huy hơn nữa vai trò thành viên của Đại học Đà Nẵng và khai thác hiệu quả nguồn lực dùng chung và .

11. Tăng cường năng lực đội ngũ chuyên trách đảm bảo chất lượng; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, liên kết đồng bộ các phần mềm để có thể quản lý, liên thông dữ liệu; củng cố cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; chuẩn hoá công tác phân tích dữ liệu khảo sát các bên liên quan. Tăng cường rà soát, đánh giá hiệu quả của việc cải tiến về chính sách, quy trình của hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng trong việc hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để có các điều chỉnh, cải tiến hiệu quả.

12. Tích cực, chủ động đề xuất cơ chế đặc thù tạo thuận lợi hơn nữa cho cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh. Rà soát, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để thực hiện cải tiến chất lượng liên tục các hoạt động; quy định cụ thể các nội dung, chỉ tiêu so chuẩn, đối sánh đối với hoạt động phục vụ cộng đồng.

13. Tiếp tục cải tiến công tác tuyển sinh trong đó huy động sự tham gia của đông đảo các bên liên quan; đổi mới phương thức, nội dung truyền thông tuyển sinh; nghiên cứu điều chỉnh phương thức tuyển sinh đối với một số ngành khó tuyển. Ban hành quy trình và hướng dẫn chi tiết về công tác giám sát, thanh tra hoạt động tuyển sinh và nhập học; định kỳ tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thanh tra.

14. Xây dựng hướng dẫn chi tiết về xây dựng mới, rà soát, điều chỉnh và thẩm quyền ban hành CTĐT. Rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT để đảm bảo tương thích với mục tiêu của CTĐT, phù hợp hơn với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thể hiện rõ hơn chuẩn về kiến thức chuyên môn của ngành học. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các đề cương chi tiết học phần để đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ thực hiện chuẩn đầu ra CTĐT của mỗi học phần và cập nhật kiến thức chuyên môn tiên tiến ở bậc đại học.

15. Ban hành hướng dẫn về việc thiết kế CTĐT và tổ chức hoạt động dạy - học phù hợp với triết lý giáo dục; tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra. Tăng cường chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo; tích cực đổi mới phương pháp dạy học để giúp người học nâng cao năng lực tự học, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời. Đổi mới nội dung và nâng cấp thiết bị thực hành đối với học phần thực hành thí nghiệm và tăng cường gắn kết thực tiễn với các doanh nghiệp.

16. Ban hành hướng dẫn chi tiết về lựa chọn các hình thức đánh giá phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Rà soát, điều chỉnh quy trình xây dựng, đánh giá hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học; thực hiện đánh giá độ tin cậy, chính xác của đề thi

thông qua phân tích kết quả thi để cải tiến chất lượng. Hoàn thiện quy định về quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy của các phương pháp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

17. Xây dựng các bộ chỉ số để đánh giá hiệu quả của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học bao gồm mức độ hài lòng và yêu cầu về nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo đạt chuẩn đầu ra của sinh viên. Khảo sát cựu sinh viên về mức độ và xu hướng sử dụng kiến thức kỹ năng trong thực tế nghề nghiệp để hỗ trợ người học đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và xác định rõ hơn các yêu cầu về vị trí việc làm sau tốt nghiệp.

18. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ; rà soát, hoàn thiện các chỉ số thực hiện trong kế hoạch phát triển khoa học công nghệ. Có chính sách thu hút đội ngũ nhà khoa học trình độ cao, đầu ngành tham gia nghiên cứu khoa học và có cơ chế ưu tiên các nghiên cứu đỉnh cao, lựa chọn hướng nghiên cứu mũi nhọn có thể mạnh; đẩy mạnh, mở rộng mạng lưới các đối tác hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong nước và quốc tế.

19. Chú trọng phát triển các hoạt động Nghiên cứu khoa học tạo ra sản phẩm có khả năng chuyển giao. Xây dựng chính sách hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu khoa học; tăng cường hiệu quả quản trị tài sản trí tuệ; rà soát, đánh giá chuyên sâu về công tác quản lý tài sản trí tuệ để cải tiến chất lượng.

20. Xây dựng định hướng, chính sách và các cơ chế thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học thông qua hợp tác hướng tới sản phẩm nghiên cứu thuộc thế mạnh của Trường. Rà soát tính hiệu quả trong triển khai hợp tác với chỉ số đánh giá để nâng cao chất lượng. Chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác là các trường, viện có thế mạnh và các doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng mục tiêu nghiên cứu khoa học và chuyển giao.

21. Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ kết nối và phục vụ cộng đồng trong chiến lược phát triển và có chính sách cụ thể thúc đẩy việc thực hiện trong cán bộ, giảng viên và người học. Thiết lập cơ chế giám sát và báo cáo trong thực tế với bộ chỉ số cụ thể để có cải tiến kịp thời; chú trọng mở rộng phạm vi tiếp cận thực tiễn, đáp ứng tính đa dạng trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng và góp phần nâng cao vị thế của Nhà trường.

22. Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học giữa các CTĐT của Nhà trường và với các CTĐT trong nước và quốc tế cải tiến; quan tâm giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Cải thiện độ tin cậy của kết quả khảo sát và thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học sau tốt nghiệp giữa các khóa học của tất cả các CTĐT để có giải pháp cải tiến chất lượng.

23. Xây dựng cơ chế giám sát kết quả và hiệu quả trong nghiên cứu và khai thác tài sản trí tuệ. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí phù hợp và thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phấn đấu cho các hoạt động nghiên cứu khoa học. Tăng cường huy động các nguồn lực và thúc đẩy các chương trình nghiên cứu có thể chuyển giao, thương mại hóa.

24. Quy định cụ thể về loại hình và định mức về hoạt động phục vụ cộng đồng để khuyến khích các bên tham gia và đánh giá. Thiết lập hệ thống khảo sát đầy đủ các bên liên quan về kết quả và mức độ tác động của hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng; thực hiện đối sánh để có những cải tiến phù hợp, góp phần nâng cao dân trí, phổ biến tri thức khoa học và lan tỏa giáo dục nghề nghiệp phổ cập ra cộng đồng.

25. Quan tâm cải thiện các chỉ số tài chính cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng để đa dạng hóa nguồn thu; xác định rõ các chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Thực hiện đối sánh các chỉ số tài chính và thị trường với các đối tác là các trường đại học trong nước, quốc tế. Xây dựng hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của các hoạt động chính; tăng cường hoạt động kết nối, quảng bá thương hiệu trong nước và quốc tế để nâng cao sự nhận diện, vị thế của Trường và thu hút nguồn lực, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
